

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Dung.
2. Ông Nguyễn Ngọc Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 644/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Uyên P**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 2, tổ 12, ấp 4, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 1, tổ 1, ấp 4, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện cho anh Thanh đối với yêu cầu chia tài sản theo văn bản ủy quyền ngày 27/11/2017: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp 4, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Sơn L**, sinh năm: 1959.
2. Bà **Bùi Thị Q**, sinh năm: 1960.

Cùng địa chỉ: Số 2, tổ 12, ấp 4, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Chị P, anh T, anh T, ông L có mặt,
bà Q có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 20/9/2017 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Uyên P trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Văn T kết hôn với nhau vào năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà ba mẹ chồng được khoảng 02 năm nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên ra ở riêng. Sau khi ở riêng đến khoảng giữa năm 2014 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là mâu thuẫn về cách nuôi con khi vợ chồng mới có con và mối quan hệ thông gia giữa hai gia đình. Cuối năm 2014, do bị chồng bạo hành khi chị sinh bé đầu lòng được vài tháng, chị đã nộp đơn xin ly hôn ra Tòa án, nhưng sau đó được hai bên gia đình hòa giải nên chị đã rút đơn để hai bên cho nhau cơ hội làm lại nhưng mâu thuẫn vẫn tiếp tục diễn ra ngày càng trầm trọng hơn. Đến khoảng tháng 9/2017 thì mâu thuẫn càng trầm trọng, nguyên nhân cũng là do mâu thuẫn về cách nuôi dạy con cái và kinh tế trong gia đình, anh T không có trách nhiệm với con. Ngoài ra, anh T có đánh chị 03 lần, vợ chồng mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm chăm sóc ai. Chị và anh T ly thân không còn sống chung nhà từ tháng 10/2017. Nay chị xác định không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn anh T.

+ *Về con chung:* Có 02 con chung:

1/ Trần Nguyễn Kim Â, sinh ngày 27/5/2014.

2/ Trần Hoàng Thiên P, sinh ngày 25/12/2016.

Hiện nay, 02 con chung đang do chị nuôi dưỡng. Từ khi chị nộp đơn ly hôn cho đến nay, anh T chỉ đến thăm con được 03 lần, việc anh T trình bày chị và ba mẹ chị không tạo điều kiện cho anh T đến thăm con là không đúng. Ly hôn, chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Thanh cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm nhân viên văn phòng tại Công ty TNHH WOOREE VINA thuộc KCN Nhơn Trạch 1, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng. Thời gian làm việc hành chánh của chị ổn định từ 7 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút, chiều thứ 7 và cả ngày Chủ nhật được nghỉ. Do chị đang sống tại nhà riêng của vợ chồng, nằm trên khuôn viên đất của ba mẹ ruột chị. Thời gian chị đi làm thì chị gửi cháu P cho ba mẹ chị chăm sóc, buổi sáng chị đưa cháu Â học tại trường mầm non Thiên P, buổi chiều ba mẹ chị hỗ trợ rước con chị về chăm sóc, cho các cháu ăn cơm. Đầu năm 2016 chị

đã gửi cháu Â học tại trường mầm non Thiên P thuộc ấp 4, xã Long An, từ khi vợ chồng ly thân tháng 10/2017 đến nay, mọi chi phí học tập và sinh hoạt của 02 con đều do chị chi trả. Chị đã đóng học phí cho cháu Â đến tháng 11/2018, sau đó chị có nghe cô giáo của cháu Â nói là có người đến đóng học phí 2 tháng cho cháu Â nhưng chị không biết đó là ai đóng, đến nay tại Tòa chị thấy anh T cung cấp 02 biên nhận đóng học phí chị mới biết là anh T cũng đóng học phí cho cô giáo 2 tháng để lấy biên nhận nộp cho Tòa án.

+ *Về tài sản chung*: Quá trình chung sống chị và anh T tạo lập được các tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 60,8m² và mái che phía trước nhà, giếng khoan, chân + bồn chứa nước, bể chứa nước, trụ điện được xây dựng trên phần đất thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 10, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Phần đất này thuộc quyền sử dụng của ba mẹ chị, chị và ba mẹ chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra còn các tài sản trong gia đình gồm có 01 bộ bàn ăn ghế gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 máy lạnh hiệu Panasonic, 01 tivi, 01 xe mô tô hiệu Honda Lead biển số 60C1-903.76 hiện do chị đứng tên đăng ký sở hữu.

Chị thống nhất với kết quả đo đạc Bản đồ hiện trạng thửa đất số 9111/2018 ngày 02/8/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai, chi nhánh Long Thành và thống nhất kết quả thẩm định giá toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là 156.890.000 đồng theo Chứng thư số 100/TĐG-CT ngày 17/10/2018 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến. Chị yêu cầu được quyền sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng, chị đồng ý thanh toán lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là $156.890.000 \text{ đồng} : 2 = 78.445.000 \text{ đồng}$, nhưng hiện tại chị không đủ khả năng thanh toán 1 lần, nên chị sẽ thanh toán dần cho anh T.

+ *Về nợ chung*: Không có.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Nguyễn Thị Uyên P kết hôn năm 2010 như chị P trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, mặc dù cuộc sống gia đình có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, có thể hàn gắn được. Chị P trình bày anh có đánh chị 03 lần là đúng nhưng là do chị P nuôi dạy con không đúng dẫn đến anh tức giận không thể kìm chế. Chị P cho rằng anh không quan tâm chăm sóc gia đình và mâu thuẫn về kinh tế gia đình là không đúng. Anh đã bỏ về nhà ba mẹ ruột sinh sống từ tháng 10/2017, vợ chồng sống ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Trong thời gian đó, anh và chị P chỉ liên lạc vài lần để đến thăm con. Mừng 3 Tết năm 2018 anh có đến thăm con, nhưng do

các con đang ở bên nhà ông bà ngoại nên gia đình vợ không cho, từ đó đến nay anh không có thăm nom các con. Hầu như thời gian sinh hoạt của chị P và các con đều ở bên nhà ông bà ngoại, tối khoảng 08 giờ đến 09 giờ chị P mới đưa con về nhà ngủ nên không thuận tiện cho anh thăm con. Nay chị P xin ly hôn, anh nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn.

+ *Về con chung*: Có 02 con chung:

1/ Trần Nguyễn Kim Â, sinh ngày 27/5/2014.

2/ Trần Hoàng Thiên P, sinh ngày 25/12/2016.

Hiện nay, 02 con chung đang do chị P nuôi dưỡng. Trước đây anh yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Â, giao cháu Phúc cho chị P được quyền nuôi dưỡng, nhưng nay do việc thăm nom con gặp khó khăn nên anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nhân viên hỗ trợ kỹ thuật tại Công ty TNHH một thành viên dịch vụ viễn thông Phương Nam tại khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 11.000.000 đồng, thời gian làm việc theo giờ hành chính, mỗi tuần được nghỉ 01 ngày Chủ nhật. Đồng thời, anh có nhận làm thêm công việc nhân viên điều tra thị trường tại Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh bất động sản Hoàng Việt, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 2.000.000 đồng, công việc này thì thời gian làm việc linh hoạt, không cần đến công ty. Thời gian ly thân anh có đến trường mầm non Thiên Phúc đóng học phí 2 tháng 10-11/2018 cho cháu Â. Hiện nay anh đang sống cùng với ba mẹ ruột, nếu anh được quyền nuôi dưỡng cả 02 con thì ba mẹ anh sẽ hỗ trợ chăm sóc các cháu, công việc của anh không bó buộc thời gian nên có thể sắp xếp thời gian chăm sóc, đưa đón con đi học.

+ *Về tài sản chung*: Anh thống nhất với kết quả đo đạc và thẩm định giá toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là 156.890.000 đồng theo Chứng thư số 100/TĐG-CT ngày 17/10/2018 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến. Anh đồng ý nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 156.890.000 đồng : 2 = 78.445.000 đồng và giao toàn bộ tài sản cho chị P sở hữu, quản lý, sử dụng, đề nghị chị P thanh toán 01 lần toàn bộ số tiền trên cho anh. Đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 10, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai do ba mẹ vợ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 196121 ngày 27/6/2017 nên anh không tranh chấp trong vụ án này.

+ *Về nợ chung*: Không có.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Sơn L và bà Bùi Thị Q trình bày:**

Ông bà là ba mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Uyên P. Ông bà là chủ sử dụng đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 10 tại xã L, huyện Long Thành, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 196121 ngày 27/6/2017, ông bà không có làm thủ tục tặng cho đối với chị P – anh T, nay tại Tòa chị P và anh T ly hôn, đã thỏa thuận được việc chị P quản lý, sở hữu toàn bộ tài sản chung và thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị cho anh T, không có tranh chấp đối với quyền sử dụng đất do ông bà đứng tên nên ông bà thống nhất với sự thỏa thuận của chị P và anh T. Việc anh T trình bày là mừng 3 Tết năm 2018 anh T đến thăm con nhưng bị ông bà cản trở là không đúng vì mừng 3 Tết anh T không có đến nhà ông bà. Thực ra ngày anh T đến nhà ông bà là vào lúc 08 giờ sáng ngày mừng 2 Tết năm 2018, đòi bắt con về nhà nội để nuôi luôn, ông bà không đồng ý cho bắt về luôn nhưng cho cháu về thăm nội rồi chiều trả lại cho mẹ cháu, và anh T đã đưa cháu Phúc về nhà nội chơi chiều trả về cho mẹ cháu.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Chị P xin ly hôn, anh T đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là Trần Nguyễn Kim Â, sinh ngày 27/5/2014 và Trần Hoàng Thiên P, sinh ngày 25/12/2016, chị P yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, anh T cũng yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, chị P và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị P và anh T thống nhất được giá trị và tỷ lệ chia tài sản chung nhưng không thống nhất được phương thức, thời hạn thanh toán số tiền chia giá trị tài sản chung. Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được, anh T cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị P và anh T. Về con chung: có 02 con chung tên Trần Nguyễn Kim Â, sinh ngày 27/5/2014 và Trần Hoàng Thiên P, sinh ngày 25/12/2016. Xét thấy cháu Â là bé gái cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, đối với cháu P dưới 36 tháng tuổi đương nhiên giao cho chị P nuôi dưỡng. Cả 02 con chung đều đang sống cùng chị P, được chị P chăm sóc tốt. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Â và P cho

chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đề nghị giao toàn bộ tài sản chung cho chị P sở hữu, quản lý, sử dụng, chị P có trách nhiệm thanh toán lại cho anh T 78.445.000 đồng. Về nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 chị Nguyễn Thị Uyên P có đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn đối với anh Trần Văn T. Ngày 05/3/2018 anh T nộp đơn khởi kiện chia tài sản khi ly hôn đối với chị P. Yêu cầu khởi kiện của chị P và anh T được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Q, bà Q đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bà Q.

[3] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 17/5/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị P nộp đơn xin ly hôn, anh T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị P và anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Kim Â, sinh ngày 27/5/2014 và Trần Hoàng Thiên P, sinh ngày 25/12/2016.

Cả chị P và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, cháu Kim Â là bé gái còn cháu Thiên P dưới 36 tháng tuổi, cả 02 cháu đều cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, phù hợp cho sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, giới tính và tâm lý của con trẻ. Đồng thời cả 02 con chung đang sống ổn định cùng chị P, được gia đình chị P hỗ trợ chăm sóc con rất tốt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm

2014 chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị P, giao 02 cháu Â và P cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị P không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị P và anh T có tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 60,8m² và mái che phía trước nhà, giếng khoan, chân + bồn chứa nước, bể chứa nước, trụ điện được xây dựng trên phần đất thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 10, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra còn các tài sản trong gia đình gồm có 01 bộ bàn ăn ghế gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 máy lạnh hiệu Panasonic, 01 tivi, 01 xe mô tô hiệu Honda Lead biển số 60C1-903.76 hiện do chị P đứng tên đăng ký sở hữu. Tổng giá trị tài sản là 156.890.000 đồng theo Chứng thư số 100/TĐG-CT ngày 17/10/2018 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến. Chị P yêu cầu được sở hữu, quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản chung và thanh toán cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị là 78.445.000 đồng. Anh T đồng ý nhận 78.445.000 đồng và giao toàn bộ tài sản chung cho chị P sở hữu, quản lý, sử dụng nhưng anh yêu cầu chị P thanh toán 1 lần số tiền trên. Xét yêu cầu của chị P là có căn cứ nên chấp nhận.

Về nợ chung: Chị P, anh T khai không có nên không xem xét.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.174.513 đồng. Chị P và anh T mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung nên mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.174.513 đồng : 2 = 4.087.256 đồng. Do chị P đã nộp toàn bộ chi phí này nên anh T phải có trách nhiệm thanh toán lại cho chị P 4.087.256 đồng.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và án phí chia tài sản chung tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 78.445.000 đồng x 5% = 3.922.000 đồng, tổng cộng là 4.222.000 đồng. Anh T phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng là 78.445.000 đồng x 5% = 3.922.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Uyên P và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Kim Â, sinh ngày 27/5/2014 và Trần Hoàng Thiên P, sinh ngày 25/12/2016. Xử giao cháu Â và cháu P cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Xử giao cho chị P được toàn quyền sở hữu, quản lý, sử dụng 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 60,8m² và mái che phía trước nhà, giếng khoan, chân + bồn chứa nước, bể chứa nước, trụ điện được xây dựng trên phần đất thuộc thửa 38, tờ bản đồ số 10, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và các tài sản trong gia đình gồm 01 bộ bàn ăn ghế gỗ, 01 tủ lạnh hiệu Sanyo, 01 máy lạnh hiệu Panasonic, 01 tivi, 01 xe mô tô hiệu Honda Lead biển số 60C1-903.76 hiện do chị P đứng tên đăng ký sở hữu. Chị P có trách nhiệm thanh toán lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 156.890.000 đồng : 2 = 78.445.000 đồng (Bảy mươi tám triệu, bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Anh T phải có trách nhiệm thanh toán lại cho chị P 4.087.256 đồng (Bốn triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn, hai trăm năm mươi sáu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Uyên P phải chịu 4.222.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 3.325.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp tại biên lai thu số 006866 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị P còn phải nộp thêm 897.000 đồng (Tám trăm chín mươi bảy ngàn đồng). Anh Trần Văn T phải chịu 3.922.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 2.775.000 đồng tạm ứng án phí anh T đã nộp tại biên lai thu số 005426 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, anh T còn phải nộp thêm 1.147.000 đồng (Một triệu, một trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

7. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận :

- CCTHADS H. Long Thành(1);
- VKSND H. Long Thành(1);
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai(1);
- UBND xã L, theo Giấy CNKH số 58 ngày 17/5/2012 (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Thị Hồng Gấm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Dung

Nguyễn Ngọc Nam

La Thị Hồng Gấm